BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2080 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đại học và cấp văn bằng cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng trường về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 12 tháng 02 năm 2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐT ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 1813/QĐ-ĐHCT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản xét tốt nghiệp số 1764/ĐHCT-ĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp năm 2022 cho sinh viên Khoa Thủy sản;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng Kỹ sư cho 147 sinh viên chính quy thuộc Khoa Thủy sản *(đợt TS2/2022)*.

(Danh sách sinh viên tốt nghiệp kèm theo)

Điều 2. Các chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ được dừng kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng: Kế hoạch – Tổng hợp, Tài chính, Đào tạo, Công tác Sinh viên, Trưởng khoa Thủy sản, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Hà Thanh Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC - ĐỢT: TS2/2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2080 /QĐ-ĐHCT ngày 20/6/2022 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Đơn vị: Khoa Thủy sản

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
Ngành đào tạo: Bệnh học thủy sản (Đại học - Chính quy)										
1	B1409486	Danh Riêng	02/08/1994	TS1476A1		2.72	140	Khá	Kỹ sư	
2	B1703988	Nguyễn Thị Uyển Nhi	06/11/1999	TS1776A1	N	2.58	140	Khá	Kỹ sư	
3	B1704005	Nguyễn Hải Yến	17/06/1999	TS1776A1	N	3.33	140	Giỏi	Kỹ sư	
4	B1704012	Đặng Ngọc Hằng	04/11/1999	TS1776A1	N	3.34	140	Giỏi	Kỹ sư	
5	B1804742	Trần Thị Ngọc Huyền	18/01/2000	TS1876A1	N	2.84	140	Khá	Kỹ sư	
6	B1804745	Nguyễn Huỳnh Kim	23/02/1999	TS1876A1	N	3.30	140	Giỏi	Kỹ sư	
7	B1804746	Lê Vũ Luân	26/11/2000	TS1876A1		2.91	140	Khá	Kỹ sư	
8	B1804747	Huỳnh Ngô Thơ Mộng	05/10/2000	TS1876A1	N	3.21	140	Giỏi	Kỹ sư	
9	B1804760	Đào Minh Thành	03/07/2000	TS1876A1		3.34	140	Giỏi	Kỹ sư	
10	B1804779	Trần Thị Bích Hà	12/12/2000	TS1876A1	N	3.22	140	Giỏi	Kỹ sư	
11	B1804790	Đoàn Khải Nghiêm	05/04/2000	TS1876A1		2.79	140	Khá	Kỹ sư	
12	B1804791	Nguyễn Phước Tâm Ngọc	18/05/2000	TS1876A1	N	2.57	147	Khá	Kỹ sư	
13	B1804804	Dương Nghi Thường	01/01/2000	TS1876A1	N	3.34	140	Giỏi	Kỹ sư	
14	B1804807	Trương Thành Trình	06/01/2000	TS1876A1		2.92	140	Khá	Kỹ sư	
15	B1804810	Phạm Thúy Vy	01/01/1999	TS1876A1	N	2.88	140	Khá	Kỹ sư	
16	B1812598	Lê Minh Đạo	10/11/2000	TS1876A1		2.77	140	Khá	Kỹ sư	
17	B1812600	Lâm Thảo Nguyên	28/08/1999	TS1876A1	N	2.74	140	Khá	Kỹ sư	
18	B1812603	Phạm Thị Lệ Huyên	31/07/2000	TS1876A1	N	3.22	140	Giỏi	Kỹ sư	
19	B1812606	Nguyễn Thúy Quyên	21/08/2000	TS1876A1	N	2.87	140	Khá	Kỹ sư	
Ngành đào tạo: Công nghệ chế biến thủy sản (Đại học - Chính quy)										
1	B1804929	Lê Thị Ngọc Huyền	10/01/2000	TS1882A1	N	3.03	140	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
2	B1804961	Tống Thị Nhi	04/05/2000	TS1882A1	N	3.77	140	Xuất sắc	Kỹ sư	
3	B1804973	Đặng Phương Sơn	09/11/2000	TS1882A1		2.94	140	Khá	Kỹ sư	
4	B1805005	Bành Ngọc Lan Anh	09/11/2000	TS1882A2	N	3.06	140	Khá	Kỹ sư	
5	B1805007	Nguyễn Lan Anh	29/08/2000	TS1882A2	N	3.13	140	Khá	Kỹ sư	
6	B1805008	Nguyễn Ngọc Minh Anh	16/07/2000	TS1882A2	N	2.75	140	Khá	Kỹ sư	
7	B1805009	Phan Thị Phượng Anh	19/04/1998	TS1882A2	N	3.25	140	Giỏi	Kỹ sư	
8	B1805011	Nguyễn Thị Mộng Cầm	10/10/2000	TS1882A2	N	3.27	144	Giỏi	Kỹ sư	
9	B1805012	Tống Huỳnh Chi	06/06/2000	TS1882A2	N	3.20	140	Giỏi	Kỹ sư	
10	B1805014	Nguyễn Kiều Duyên	08/10/2000	TS1882A2	N	3.16	144	Khá	Kỹ sư	
11	B1805018	Trần Thị Ngọc Hà	19/05/2000	TS1882A2	N	2.63	140	Khá	Kỹ sư	
12	B1805021	Bùi Nguyễn Bích Hợp	09/05/2000	TS1882A2	N	3.45	140	Giỏi	Kỹ sư	
13	B1805024	Nguyễn Văn Hưng	29/10/2000	TS1882A2		2.81	140	Khá	Kỹ sư	
14	B1805026	Huỳnh Tuyết Hương	21/02/2000	TS1882A2	N	2.90	140	Khá	Kỹ sư	
15	B1805032	Trần Thị Tuyết Kim	06/01/2000	TS1882A2	N	3.33	140	Giỏi	Kỹ sư	
16	B1805034	Nguyễn Duy Lễ	24/05/2000	TS1882A2		3.46	140	Giỏi	Kỹ sư	
17	B1805035	Huỳnh Thị Mỹ Linh	16/06/2000	TS1882A2	N	3.51	140	Giỏi	Kỹ sư	
18	B1805042	Trương Thị Huỳnh My	15/08/2000	TS1882A2	N	3.19	140	Khá	Kỹ sư	
19	B1805043	Nguyễn Thị Hồng My	19/02/2000	TS1882A2	N	3.14	140	Khá	Kỹ sư	
20	B1805047	Trương Mỷ Ngân	23/08/2000	TS1882A2	N	3.60	144	Xuất sắc	Kỹ sư	
21	B1805050	Phan Thị Bích Ngọc	04/08/2000	TS1882A2	N	3.06	140	Khá	Kỹ sư	
22	B1805052	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	07/08/2000	TS1882A2	N	3.22	140	Giỏi	Kỹ sư	
23	B1805056	Tô Hồng Nhiên	25/05/2000	TS1882A2	N	3.11	140	Khá	Kỹ sư	
24	B1805057	Lâm Thị Trúc Như	30/03/2000	TS1882A2	N	3.04	140	Khá	Kỹ sư	
25	B1805067	Nguyễn Tấn Tài	12/04/2000	TS1882A2		3.03	140	Khá	Kỹ sư	
26	B1805068	Lý Yến Thanh	01/06/2000	TS1882A2	N	3.65	140	Xuất sắc	Kỹ sư	
27	B1805076	Huỳnh Thị Anh Thư	14/06/2000	TS1882A2	N	3.38	140	Giỏi	Kỹ sư	
28	B1805077	Nguyễn Huệ Thư	09/05/2000	TS1882A2	N	3.44	140	Giỏi	Kỹ sư	
29	B1805083	Huỳnh Thị Thảo Trang	27/08/2000	TS1882A2	N	3.41	140	Giỏi	Kỹ sư	
30	B1805084	Nguyễn Thị Hồng Trang	22/07/2000	TS1882A2	N	3.06	140	Khá	Kỹ sư	
31	B1805088	Huỳnh Ngọc Trinh	01/01/2000	TS1882A2	N	3.36	140	Giỏi	Kỹ sư	
32	B1805090	Cao Thị Ngọc Truyền	07/12/2000	TS1882A2	N	3.21	140	Giỏi	Kỹ sư	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
33	B1805091	Đoàn Thanh Tuấn	29/07/2000	TS1882A2		3.12	140	Khá	Kỹ sư	
Ngành đào tạo: Nuôi trồng thủy sản (Đại học - Chính quy)										
1	B1600622	Nguyễn Huỳnh Bá	20/11/1998	TS1613A1		2.38	140	Trung bình	Kỹ sư	
2	B1600679	Phan Yến Nhi	20/10/1998	TS1613A1	N	2.79	140	Khá	Kỹ sư	
3	B1700547	Võ Phát Đạt	15/08/1999	TS1713A3		2.53	140	Khá	Kỹ sư	
4	B1700551	Thạch Vô Ha	12/03/1999	TS1713A3		2.27	140	Trung bình	Kỹ sư	
5	B1700566	Nguyễn Hoàng Huy	17/12/1999	TS1713A1		2.89	143	Khá	Kỹ sư	
6	B1700710	Lê Triết Học	16/09/1999	TS1713A2		2.76	144	Khá	Kỹ sư	
7	B1700736	Nguyễn Tấn Lộc	28/05/1999	TS1713A3		2.75	140	Khá	Kỹ sư	
8	B1700758	Ngô Thị Yến Nhi	15/09/1999	TS1713A3	N	2.94	140	Khá	Kỹ sư	
9	B1800668	Trần Thành An	30/12/2000	TS1813A1		3.27	140	Giỏi	Kỹ sư	
10	B1800673	Lê Thị Như Băng	09/05/2000	TS1813A1	N	3.19	140	Khá	Kỹ sư	
11	B1800674	Nguyễn Văn Bằng	19/07/1999	TS1813A1		2.85	140	Khá	Kỹ sư	
12	B1800676	Nguyễn Phương Bình	18/05/2000	TS1813A1		2.97	140	Khá	Kỹ sư	
13	B1800685	Trần Khánh Duy	15/04/2000	TS1813A3		3.03	140	Khá	Kỹ sư	
14	B1800687	Mai Yến Duyên	27/08/2000	TS1813A3	N	3.28	140	Giỏi	Kỹ sư	
15	B1800691	Hàn Quốc Đạt	09/03/2000	TS1813A3		3.11	140	Khá	Kỹ sư	
16	B1800693	Lê Thanh Điện	15/07/2000	TS1813A1		3.26	140	Giỏi	Kỹ sư	
17	B1800694	Huỳnh Kim Đoan	01/08/2000	TS1813A3	N	3.29	140	Giỏi	Kỹ sư	
18	B1800695	Nguyễn Minh Đức	02/11/2000	TS1813A1		3.78	144	Xuất sắc	Kỹ sư	
19	B1800698	Lý Chí Hải	08/05/2000	TS1813A1		2.90	142	Khá	Kỹ sư	
20	B1800702	Lê Minh Hậu	15/12/2000	TS1813A3		3.01	140	Khá	Kỹ sư	
21	B1800708	Dương Đức Huy	20/05/2000	TS1813A3		3.22	142	Giỏi	Kỹ sư	
22	B1800712	Trần Thị Xuân Hương	19/02/2000	TS1813A3	N	3.33	140	Giỏi	Kỹ sư	
23	B1800714	Nguyễn Vỷ Khang	29/10/2000	TS1813A1		2.90	140	Khá	Kỹ sư	
24	B1800715	Tô Trí Khang	12/09/2000	TS1813A3		2.92	142	Khá	Kỹ sư	
25	B1800727	Trần Văn Linh	30/04/2000	TS1813A3		3.30	140	Giỏi	Kỹ sư	
26	B1800728	Võ Thị Yến Linh	29/09/2000	TS1813A1	N	3.58	140	Giỏi	Kỹ sư	
27	B1800732	Dương Nguyễn Thành Luân	18/04/2000	TS1813A3		3.22	144	Giỏi	Kỹ sư	
28	B1800733	Đào Thị Kim Luyến	03/01/2000	TS1813A3	N	3.29	140	Giỏi	Kỹ sư	
29	B1800743	Phan Thanh Ngàn	02/02/2000	TS1813A1		2.97	140	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
30	B1800747	Lê Thị Tuyết Nghi	19/12/2000	TS1813A1	N	3.64	140	Xuất sắc	Kỹ sư	
31	B1800748	Nguyễn Thị Quỳnh Nghi	30/12/2000	TS1813A1	N	3.27	140	Giỏi	Kỹ sư	
32	B1800759	Phạm Hiếu Nhân	13/05/2000	TS1813A1		3.37	140	Giỏi	Kỹ sư	
33	B1800762	Trần Lê Yến Nhi	19/11/2000	TS1813A1	N	3.49	140	Giỏi	Kỹ sư	
34	B1800768	Lê Hoàng Phong	25/08/2000	TS1813A1		3.22	140	Giỏi	Kỹ sư	
35	B1800776	Nguyễn Thị Kim Quyên	21/06/2000	TS1813A1	N	2.85	140	Khá	Kỹ sư	
36	B1800778	Trần Vinh Sang	16/05/2000	TS1813A1		3.26	140	Giỏi	Kỹ sư	
37	B1800779	Huỳnh Hoàng Sơn	29/11/2000	TS1813A1		3.86	140	Xuất sắc	Kỹ sư	
38	B1800782	Trần Thanh Thái	23/11/2000	TS1813A1		3.04	140	Khá	Kỹ sư	
39	B1800784	Đàm Thị Ngọc Thảo	17/04/2000	TS1813A1	N	3.03	140	Khá	Kỹ sư	
40	B1800785	Huỳnh Phương Thảo	29/02/2000	TS1813A1	N	3.09	140	Khá	Kỹ sư	
41	B1800794	Nguyễn Văn Thuận	24/04/2000	TS1813A1		3.21	140	Giỏi	Kỹ sư	
42	B1800795	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	04/09/2000	TS1813A1	N	3.13	140	Khá	Kỹ sư	
43	B1800796	Lý Thị Anh Thư	04/02/2000	TS1813A1	N	3.34	140	Giỏi	Kỹ sư	
44	B1800805	Lê Thị Ngọc Trang	22/02/2000	TS1813A1	N	3.44	140	Giỏi	Kỹ sư	
45	B1800808	Phạm Thị Kim Trăm	04/03/2000	TS1813A1	N	3.52	140	Giỏi	Kỹ sư	
46	B1800814	Đỗ Huỳnh Tuyền	01/01/2000	TS1813A1	N	3.47	144	Giỏi	Kỹ sư	
47	B1800822	Huỳnh Dương Hải Yến	12/04/2000	TS1813A1	N	3.17	142	Khá	Kỹ sư	
48	B1800824	Phan Thị Như Ý	31/08/2000	TS1813A1	N	3.20	142	Giỏi	Kỹ sư	
49	B1800827	Lý Mỹ Ái	22/06/2000	TS1813A2	N	2.91	140	Khá	Kỹ sư	
50	B1800832	Bùi Thanh Bình	05/08/2000	TS1813A3		2.62	140	Khá	Kỹ sư	
51	B1800835	Nguyễn Nhật Cường	26/12/2000	TS1813A3		3.40	140	Giỏi	Kỹ sư	
52	B1800844	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	26/06/2000	TS1813A3	N	3.26	140	Giỏi	Kỹ sư	
53	B1800857	Lý Lâm Hân	29/01/2000	TS1813A2		2.66	140	Khá	Kỹ sư	
54	B1800859	Trang Sĩ Hậu	16/10/2000	TS1813A2		2.79	140	Khá	Kỹ sư	
55	B1800861	Lê Thanh Thế Hiển	08/09/2000	TS1813A3		2.33	140	Trung bình	Kỹ sư	
56	B1800864	Lê Thị Nhật Hồng	10/10/2000	TS1813A2	N	3.15	140	Khá	Kỹ sư	
57	B1800866	Lê Thị Mỹ Huyền	01/01/2000	TS1813A2	N	2.98	140	Khá	Kỹ sư	
58	B1800869	Nguyễn Phú Hữu	23/09/2000	TS1813A2		2.73	140	Khá	Kỹ sư	
59	B1800876	Nguyễn Mộng Kiều	02/02/2000	TS1813A3	N	3.00	140	Khá	Kỹ sư	
60	B1800883	Phạm Văn Linh	21/02/2000	TS1813A2		3.08	141	Khá	Kỹ sư	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
61	B1800886	Ngô Tấn Lộc	30/09/2000	TS1813A2		2.92	140	Khá	Kỹ sư	
62	B1800895	Huỳnh Nguyễn Diễm My	29/07/2000	TS1813A2	N	3.16	140	Khá	Kỹ sư	
63	B1800900	Lê Thị Thảo Ngân	20/02/2000	TS1813A2	N	3.12	140	Khá	Kỹ sư	
64	B1800902	Trần Thị Thúy Ngần	20/12/2000	TS1813A3	N	3.51	140	Giỏi	Kỹ sư	
65	B1800914	Nguyễn Hoàng Nhân	09/12/2000	TS1813A2		3.49	140	Giỏi	Kỹ sư	
66	B1800925	Nguyễn Thanh Phong	17/05/2000	TS1813A3		2.72	140	Khá	Kỹ sư	
67	B1800928	Nguyễn Nguyên Phúc	23/06/2000	TS1813A3		2.87	140	Khá	Kỹ sư	
68	B1800933	Bùi Thị Thúy Quỳnh	08/05/2000	TS1813A2	N	3.36	144	Giỏi	Kỹ sư	
69	B1800946	Nguyễn Nhựt Thi	19/05/2000	TS1813A3		3.13	140	Khá	Kỹ sư	
70	B1800952	Huỳnh Thị Huệ Thư	25/09/2000	TS1813A3	N	3.28	140	Giỏi	Kỹ sư	
71	B1800953	Nguyễn Minh Thư	17/09/2000	TS1813A3	N	3.05	140	Khá	Kỹ sư	
72	B1800956	Ung Hoài Thư	29/08/2000	TS1813A2	N	3.18	140	Khá	Kỹ sư	
73	B1800957	Dương Chí Thương	15/12/2000	TS1813A2		2.68	140	Khá	Kỹ sư	
74	B1800958	Đặng Mai Thương	09/03/2000	TS1813A3	N	3.09	140	Khá	Kỹ sư	
75	B1800964	Trịnh Huyền Trân	13/05/2000	TS1813A2	N	3.51	140	Giỏi	Kỹ sư	
76	B1800979	Hà Như Ý	07/12/2000	TS1813A2	N	2.93	140	Khá	Kỹ sư	
Ngành đào tạo: Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến) (Đại học - Chính quy)										
1	B1700838	Phan Châu Quốc Việt	19/09/1999	TS1713T1		2.63	159	Khá	Kỹ sư	
Ngành đào tạo: Quản lý nguồn lợi thủy sản (Đại học - Chính quy)										
1	B1707807	Lê Quốc Khang	06/06/1999	TS17W5A1		2.37	144	Trung bình	Kỹ sư	
Ngành đào tạo: Quản lý thủy sản (Đại học - Chính quy)										
1	B1806121	AMINAH	13/01/2000	TS18S2A1	N	3.10	140	Khá	Kỹ sư	
2	B1806125	Nguyễn Hoàng Vân Anh	17/12/2000	TS18S2A1	N	2.65	140	Khá	Kỹ sư	
3	B1806135	Dương Thị Thùy Dung	12/11/2000	TS18S2A1	N	2.89	140	Khá	Kỹ sư	
4	B1806139	Nguyễn Ngọc Hân	05/12/2000	TS18S2A1	N	3.00	140	Khá	Kỹ sư	
5	B1806142	Nguyễn Thị Diễm Hằng	26/07/2000	TS18S2A1	N	3.21	141	Giỏi	Kỹ sư	
6	B1806155	Phan Huỳnh Trúc Linh	04/09/2000	TS18S2A1	N	3.60	140	Xuất sắc	Kỹ sư	
7	B1806161	Lê Thị Thanh Mơ	26/01/2000	TS18S2A1	N	3.14	140	Khá	Kỹ sư	
8	B1806163	Hà Thị Kim Ngân	09/08/2000	TS18S2A1	N	3.02	145	Khá	Kỹ sư	
9	B1806168	Nguyễn Bích Nguyên	12/10/2000	TS18S2A1	N	3.02	140	Khá	Kỹ sư	
10	B1806178	Phạm Mỹ Nữ	05/02/1999	TS18S2A1	N	3.51	140	Giỏi	Kỹ sư	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Nữ	ĐTB	TCTL	Xếp loại	Loại văn bằng	Ghi chú
11	B1806183	Nguyễn Thị Như Phụng	21/09/2000	TS18S2A1	N	3.28	140	Giỏi	Kỹ sư	
12	B1806185	Lý Thị Trúc Phương	27/03/2000	TS18S2A1	N	2.96	140	Khá	Kỹ sư	
13	B1806200	Mai Minh Thuận	16/10/2000	TS18S2A1		2.67	140	Khá	Kỹ sư	
14	B1806218	Phan Mẩn Trinh	01/09/2000	TS18S2A1	N	2.97	140	Khá	Kỹ sư	
15	B1806221	Huỳnh Thanh Tú	27/03/2000	TS18S2A1		3.20	140	Giỏi	Kỹ sư	
16	B1806222	Lê Phúc Vinh	11/02/2000	TS18S2A1		3.09	140	Khá	Kỹ sư	
17	B1812673	Võ Kim Quyên	27/04/2000	TS18S2A1	N	3.46	140	Giỏi	Kỹ sư	

Tổng số danh sách: **147** sinh viên, trong đó có:

- 147 sinh viên được cấp bằng Kỹ sư

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Hà Thanh Toàn